TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2707/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2018
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân;

2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2116/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Việt C
Địa chỉ: Số 262/12, đường H, Phường I, Quận J, Thành phố H.
Bị đơn: Bà Tôn Nữ Thúy D
Địa chỉ thường trú: Số 891/140 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố H
Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 9-04 Lô A, Chung cư T, số 243A, đường N, Phường M, quận B, Thành phố H.

NHẬN THẤY:

Trong Đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 và các Bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn là ông Thái Việt C trình bày:

Ông đã từng kết hôn và đã ly hôn, bà Tôn Nữ Thúy D chưa từng đăng ký kết hôn với ai. Sau thời gian tìm hiểu thì Ông và bà D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2000. Ông và bà D có hai con chung tên: Thái Việt E, sinh ngày 26/4/2000, đã thành niên và khỏe mạnh bình thường và Thái Việt G, sinh ngày 15/9/2008 đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, Ông và bà D không còn chung sống với nhau nên Ông yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông và bà Tôn Nữ Thúy D. Ông yêu cầu giao con chung tên Thái Việt G, sinh ngày 15/9/2008 cho bà D nuôi dưỡng, Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 03/12/2018 và Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/12/2018 bị đơn là bà Tôn Nữ Thúy D trình bày: Bà thừa nhận những lời trình bày nêu trên của ông C là đúng, Bà và ông C sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông C có hai con chung tên: Thái Việt E, sinh ngày 26/4/2000, đã thành niên và khỏe mạnh bình thường và Thái Việt G, sinh ngày 15/9/2008 Bà D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là ông Thái Việt C và bị đơn là bà Tôn Nữ Thúy D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Việt C và bà Tôn Nữ Thúy D; Về việc nuôi con chung: Giao con chung tên Thái Việt G cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa ông Thái Việt C và bà Tôn Nữ Thúy D là quan hệ Hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà D có hộ khẩu tại Quận Z nhưng thực tế đang tạm trú và cư ngụ tại quận B (theo đơn xác nhận tạm trú ngày 10/10/2018 của Công an Phường M, quận B) nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ vợ chồng: Ông C và bà D thừa nhận Ông, Bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, không đăng ký kết hôn. Sau khi sinh con thứ hai, Ông, Bà đã không còn chung sống với nhau nữa từ đó cho đến nay vì có những bất đồng về quan điểm sống và cách sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Căn cứ vào Công văn trả lời kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ số 346/UBND ngày 30/11/2018 của Uỷ ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H ngày 30/11/2018 thì "trước đây ông C và bà D có chung sống với nhau không có đăng ký kêt hôn", "bà Tôn Nữ Thúy D và ông Thái Việt C hiện không còn chung sống với nhau"**.** Do ông C, bà D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Việt C và bà Tôn Nữ Thúy D.

Về con chung:

Căn cứ vào Bản sao Giấy khai sinh số 116 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận J, Thành phố H cấp ngày 17/5/2000; Căn cứ vào Bản sao Giấy khai sinh số 271 quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận J, Thành phố H cấp ngày 16/12/2008 và Công văn trả lời kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ số 346/UBND ngày 30/11/2018 của Uỷ ban nhân dân Phường M, quận B cùng với lời khai thống nhất của ông C, bà D tại Tòa án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định cháu Thái Việt E, sinh ngày 26/4/2000 và Thái Việt G, sinh ngày 15/9/2008 là con chung giữa ông Thái Việt C và bà Tôn Nữ Thúy D. Ông C và bà D cùng thống nhất xác định cháu Thái Việt E đã thành niên và khỏe mạnh bình thường, Ông C và bà D cùng thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Thái Việt G sinh ngày 15/9/2008 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông C phải đóng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 21, Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Thái Việt C:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Việt C và bà Tôn Nữ Thúy D.

- Về con chung: Giao cho bà Tôn Nữ Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái Việt G sinh ngày 15/9/2008, ông Thái Việt C không cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết ông C và bà D được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông C phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005759 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND TPH;
- VKSND QB;
- Chi cục THADS QB (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Dũng